



ph



BỘ Y TẾ
 CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT
 Lần đầu: 8/11/19



Sangobion®
 Hematinics and Vitamins

Sangobion®
 Hematinics and Vitamins

Bảo quản nơi khô mát, dưới 30°C
 Chỉ định, chống chỉ định, cách dùng
 và các thông tin khác, đã nghị xem
 trong tờ hướng dẫn sử dụng kèm theo.

SDK: VN-xxxxxx
 Số lô SX:
 Exp./HD:
 Mg./NSX.

1 viên nang chứa	250,0 mg
Ferrous Gluconate	0,2 mg
Manganese Sulfate	0,2 mg
Copper Sulfate	50,0 mg
Vitamin C	1,0 mg
Folic Acid	7,5 µg
Vitamin B12	25,0 mg
Sorbitol	



Completed with Vitamin C and Sorbitol
 ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM

Completed with Vitamin C
 and Sorbitol

7/1/19

SANGOBION®

Thành phần: mỗi viên nang chứa:

Sắt Gluconat:	250,0 mg
Mangan Sulfat:	0,2 mg
Đồng Sulfat:	0,2 mg
Vitamin C:	50,0 mg
Folic Acid:	1,0 mg
Vitamin B12:	7,5 mcg
Sorbitol:	25,0 mg

Tá dược: Colloidal Silicon Dioxide, Lactose, Ethyl vanillin, Talc.



Quy cách đóng gói:

Hộp 10 vỉ x 4 viên nang

Chỉ định điều trị:

Phòng ngừa và điều trị thiếu máu do thiếu sắt và các khoáng chất khác tham gia vào quá trình tạo máu.
Bổ sung acid folic ở phụ nữ mang thai và cho con bú.

Liều lượng và cách dùng:

Một viên nang mỗi ngày hoặc theo chỉ định của bác sĩ.

Chống chỉ định: mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc.

Phụ nữ mang thai và cho con bú:

Thuốc này sử dụng được cho phụ nữ mang thai và cho con bú.

Nhu cầu về sắt tăng trong thời kỳ mang thai và cho con bú, cần sử dụng thêm các chế phẩm chứa sắt để phòng ngừa tình trạng thiếu máu do thiếu sắt ở phụ nữ mang thai và cho con bú.

Phụ nữ mang thai nên bổ sung đầy đủ axit folic, nhất là vào giai đoạn sớm của thai kỳ để phòng ngừa dị tật ống thần kinh ở thai nhi.

Người lái xe và vận hành máy móc.

Không ảnh hưởng đến khả năng vận hành máy móc, tàu xe

Tác dụng không mong muốn:

Các chế phẩm chứa sắt đôi khi gây kích ứng tiêu hóa và đau bụng kèm buồn nôn, nôn khi uống. Các tác dụng khác trên hệ tiêu hóa có thể là tiêu chảy hoặc táo bón. Các tác dụng phụ này có thể giảm khi dùng thuốc trong hoặc sau bữa ăn.

Phân có thể có màu đen khi dùng các chế phẩm có chứa sắt.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải trong quá trình sử dụng thuốc.

Tương tác thuốc

Tình trạng của folat có thể bị ảnh hưởng bởi một số thuốc như thuốc chống co giật, thuốc ngừa thai đường uống, thuốc chống lao, rượu. Các chất kháng acid folic như aminopterin, methotrexate, pyrimethamine, trimethoprim và các suphonamid được cho là tác nhân gây ra tình trạng thiếu folat.

Có nhiều chất có thể làm giảm khả năng hấp thu Vitamin B12 tại ruột. Các chất này bao gồm kháng sinh nhóm aminoglycoside, cloramphenicol, cochichin, các thuốc chống co giật, các thuốc cung cấp kali dạng phóng thích kéo dài, acid aminosalicylic và những người nghiện rượu mãn tính.

Quá liều:

Sắt có thể gây độc nếu dùng quá liều. Độc tính nghiêm trọng có thể là kết quả của việc uống nhiều hơn 60 mg sắt/kg thể trọng. Triệu chứng quá liều có thể là mất nước, huyết áp thấp, mạch nhanh và yếu, sốc, tiêu chảy, buồn nôn, nôn ra máu, óm lạnh, chóng mặt, hôn mê, co giật, nhức đầu.

Quá liều chế phẩm sắt có thể gây ngộ độc cho trẻ em. Cần cất giữ thuốc chứa sắt xa tầm tay trẻ em.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

Bảo quản: bảo quản nơi khô, mát, dưới 30°C. **ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM**

Tiêu chuẩn: tiêu chuẩn của nhà sản xuất

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.

Sản xuất bởi:

PT. Merck Tbk.

Jl. TB. Simatupang no. 8, Pasar Rebo, Jakarta 13760, Indonesia

Dưới sự nhượng quyền của Merck KGaA- Đức



PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Việt Hùng



BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Lần đầu: 8/11/19



Sangobion®

Hematinics and Vitamins

Sangobion®

Hematinics and Vitamins

Bảo quản nơi khô mát, dưới 30°C
Chỉ định, chống chỉ định, cách dùng
và các thông tin khác đề nghị xem
trong tờ hướng dẫn sử dụng kèm theo

SDK: VN-xxxx-xx
Số lô SX:
Exp /HD:
Mfg./NSK

1 viên nang chứa	
Ferrous Gluconate	250,0 mg
Manganese Sulfate	0,2 mg
Copper Sulfate	0,2 mg
Vitamin C	50,0 mg
Folic Acid	1,0 mg
Vitamin B12	7,5 µg
Sorbitol	25,0 mg



Completed with Vitamin C and Sorbitol
ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM

Completed with Vitamin C
and Sorbitol

7/1/19

SLK: XXXX HO: DD.MM.YYYY

Sangobion®
Hematinics and Vitamins

Sangobion®
Hematinics and Vitamins

Sangobion®
Hematinics and Vitamins

PT. Merck Tbk. Indonesia



PT. Merck Tbk. Indonesia



PT. Merck Tbk. Indonesia

Completed with Vitamin C
and Sorbitol

Completed with Vitamin C
and Sorbitol

Completed with Vitamin
and Sorbitol

Sangobion®
Hematinics and Vitamins

Sangobion®
Hematinics and Vitamins

Sangobion®
Hematinics and Vitamins

PT. Merck Tbk. Indonesia



PT. Merck Tbk. Indonesia



PT. Merck Tbk. Indonesia

Completed with Vitamin C
and Sorbitol

Completed with Vitamin C
and Sorbitol

Completed with Vitamin
and Sorbitol

PT. Merck Tbk. Indonesia



PT. Merck Tbk. Indonesia



PT. Merck Tbk. Indonesia

Completed with Vitamin C
and Sorbitol

Completed with Vitamin C
and Sorbitol

Completed with Vitamin
and Sorbitol

Sangobion®
Hematinics and Vitamins

Sangobion®
Hematinics and Vitamins

Sangobion®
Hematinics and Vitamins

PT. Merck Tbk. Indonesia



PT. Merck Tbk. Indonesia



PT. Merck Tbk. Indonesia

Completed with Vitamin C
and Sorbitol

Completed with Vitamin C
and Sorbitol

Completed with Vitamin
and Sorbitol

Sangobion®
Hematinics and Vitamins

Sangobion®
Hematinics and Vitamins

Sangobion®
Hematinics and Vitamins

PT. Merck Tbk. Indonesia



PT. Merck Tbk. Indonesia



PT. Merck Tbk. Indonesia

Completed with Vitamin C
and Sorbitol

Completed with Vitamin C
and Sorbitol

Completed with Vitamin
and Sorbitol

Handwritten mark

212 mm

PT AVESTA CONTINENTAL PACK	Checked :	
	Artwork :	
Colors :	1. Putih 2. Merah (TC 135) 3. Hitam	
Product : Sangobion Vietnam		
Customer : PT. Merck Tbk.		
Pitch x Up : 168 mm x 212 mm		
Print type : Surface		
Output date : 11-04-2008		
JO. AW. No. : 002902008/AW/RO		
Product Code : MRK SBN 011-00		

Silver

SANGOBION®

Thành phần: mỗi viên nang chứa:

Sắt Gluconat:	250,0 mg
Mangan Sulfat:	0,2 mg
Đồng Sulfat:	0,2 mg
Vitamin C:	50,0 mg
Folic Acid:	1,0 mg
Vitamin B12:	7,5 mcg
Sorbitol:	25,0 mg

Tã được: Colloidal Silicon Dioxide, Lactose, Ethyl vanillin, Talc.

Quy cách đóng gói:

Hộp 10 vỉ x 4 viên nang

Chỉ định điều trị:

Phòng ngừa và điều trị thiếu máu do thiếu sắt và các khoáng chất khác tham gia vào quá trình tạo máu. Bổ sung acid folic ở phụ nữ mang thai và cho con bú.

Liều lượng và cách dùng:

Một viên nang mỗi ngày hoặc theo chỉ định của bác sĩ.

Chống chỉ định: mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc.

Phụ nữ mang thai và cho con bú:

Thuốc này sử dụng được cho phụ nữ mang thai và cho con bú.

Nhu cầu về sắt tăng trong thời kỳ mang thai và cho con bú, cần sử dụng thêm các chế phẩm chứa sắt để phòng ngừa tình trạng thiếu máu do thiếu sắt ở phụ nữ mang thai và cho con bú.

Phụ nữ mang thai nên bổ sung đầy đủ axit folic, nhất là vào giai đoạn sớm của thai kỳ để phòng ngừa dị tật ống thần kinh ở thai nhi.

Người lái xe và vận hành máy móc.

Không ảnh hưởng đến khả năng vận hành máy móc, tàu xe

Tác dụng không mong muốn:

Các chế phẩm chứa sắt đôi khi gây kích ứng tiêu hóa và đau bụng kèm buồn nôn, nôn khi uống. Các tác dụng khác trên hệ tiêu hóa có thể là tiêu chảy hoặc táo bón. Các tác dụng phụ này có thể giảm khi dùng thuốc trong hoặc sau bữa ăn.

Phân có thể có màu đen khi dùng các chế phẩm có chứa sắt.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải trong quá trình sử dụng thuốc.

Tương tác thuốc

Tình trạng của folat có thể bị ảnh hưởng bởi một số thuốc như thuốc chống co giật, thuốc ngừa thai đường uống, thuốc chống lao, rượu. Các chất kháng acid folic như aminopterin, methotrexate, pyrimethamine, trimethoprim và các suphonamid được cho là tác nhân gây ra tình trạng thiếu folat.

Có nhiều chất có thể làm giảm khả năng hấp thu Vitamin B12 tại ruột. Các chất này bao gồm kháng sinh nhóm aminoglycoside, cloramphenicol, cochichin, các thuốc chống co giật, các thuốc cung cấp kali dạng phóng thích kéo dài, acid aminosalicylic và những người nghiện rượu mãn tính.

Quá liều:

Sắt có thể gây độc nếu dùng quá liều. Độc tính nghiêm trọng có thể là kết quả của việc uống nhiều hơn 60 mg sắt/kg thể trọng. Triệu chứng quá liều có thể là mất nước, huyết áp thấp, mạch nhanh và yếu, sốc, tiêu chảy, buồn nôn, nôn ra máu, ớn lạnh, chóng mặt, hôn mê, co giật, nhức đầu.

Quá liều chế phẩm sắt có thể gây ngộ độc cho trẻ em. Cần cất giữ thuốc chứa sắt xa tầm tay trẻ em.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

Bảo quản: bảo quản nơi khô, mát, dưới 30°C. **ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM**

Tiêu chuẩn: tiêu chuẩn của nhà sản xuất

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.

Sản xuất bởi:

PT. Merck Tbk.

Jl. TB. Simatupang no. 8, Pasar Rebo, Jakarta 13760, Indonesia

Dưới sự nhượng quyền của Merck KGaA- Đức



PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Việt Hùng